TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN B, TỈNH E**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **78** /2021/HNGĐ-ST
Ngày: 07/01/2021
"V/v ly hôn giữa anh T và chị L"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH E

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Nguyễn Văn Hiếu;

2/ Bà Võ Thị Mai;

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Phạm Long Hồ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số: 431/2020/TLST–HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 152/2020/QĐXXST-HN ngày 16 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: ấp 5, xã L, huyện T, tỉnh E.

**** Bị đơn:*** Chị **Bùi Thị Ngọc L** (Gái), sinh năm 1985.

Địa chỉ: ấp C, xã H, huyện B, tỉnh E.

Các đương sự có mặt đầy đủ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và những lời trình bày tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Phạm Văn T trình bày như sau:*

Anh và chị L sống chung với nhau từ năm 2019 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh E. Quá trình chung sống đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ

chồng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cải vả, dần dần tình cảm vợ chồng phai nhạt, anh chị đã không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nên mâu thuẫn đã trầm trọng, vợ chồng cũng đã nhiều lần tự hàn gắn nhau nhưng không thành. Do tình cảm không còn nữa nên anh yêu cầu ly hôn với chị L.

- Về con chung: Quá trình chung sống, anh và chị L có 01 con chung tên Phạm Bùi N T1, sinh ngày 13/8/2019. Khi ly hôn, anh T đồng ý để chị L nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật 745.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Tại bản tự khai, biên bản hòa giải và cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Bùi Thị Ngọc L ý kiến như sau:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị T nhất với an về quan hệ hôn nhân, thời điểm chung sống, cũng như mâu thuẫn gia đình. Chị và anh T mâu thuẫn từ việc tiền bạc, tỉnh cảm trong gia đình nên đã ly thân từ tháng 02/2020 đến nay. Tại phiên tòa chị khôngđồng ý ly hôn với anh T lý do là còn thương anh. Nếu anh T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung một lần cho chị thì chị đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống, chị và chị L có 01 con chung tên Phạm Bùi N T1, sinh ngày 13/8/2019. Nếu Tòa án cho ly hôn, thì chị yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng một lần với số tiền 1.500.000 đồng/tháng x 12 tháng x 18 năm = 324.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh E tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

- *Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:* Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử, còn vi phạm thời hạn tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho đương sự và Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Phạm Văn T, bị đơn Bùi Thị Ngọc L thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên các vi phạm trên không làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị khắc phục.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Phạm Văn T đối với chị Bùi Thị Ngọc L. Về con chung giao cho chị Bùi Thị Ngọc L được trực tiếp chăm sóc giáo dục con chung tên Phạm Bùi N T1, sinh ngày 13/8/2019. Buộc anh Phạm Văn T phải cấp dưỡng nuôi con theo quy

định pháp luật 745.000 đồng/tháng. Về tài sản chung: không có nên không xét đến. Về nợ chung không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị Ngọc L hiện đang sinh sống tại ấp Hưng Chánh, xã Châu Hưng, huyện B, tỉnh E. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh E.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Ngọc L chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị L được công nhận là hợp pháp. Quá trình chung sống đến tháng 02/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do mâu thuẫn việc gia đình, có nói xúc phạm gia đình nên vợ chồng thường xuyên cãi nhau và cũng từ đó anh chị sống ly thân cho đến nay. Từ lúc ly thân đến nay mỗi người đều có cuộc sống độc lập, không ai quan tâm chăm sóc lẫn nhau.

Tại các phiên hòa giải trước đây và tại phiên tòa hôm nay, anh T yêu cầu ly hôn và chị L cũng đồng ý điều kiện anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung một lần cho chị thì chị đồng ý ly hôn. Điều đó, chứng tỏ hôn nhân giữa anh T và chị L đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên anh T yêu cầu ly hôn với chị L là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh T khai, quá trình chung chung sống anh và chị L có 01 con chung tên Phạm Bùi N T1, sinh ngày 13/8/2019, hiện tại con chung đang sống với chị L và anh T đồng ý để chị L tiếp tục nuôi con chung nên giao cháu Phạm Bùi N T1 cho chị L nuôi dưỡng là phù hợp. Chị L yêu cầu nuôi con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con một lần, với số tiền 1.500.000 đồng/tháng x 12 tháng x 18 năm = 324.000.000 đồng. Xét thấy, Chị L không chứng minh được khả năng kinh tế của anh T đủ điều kiện cấp dưỡng nuôi con một lần trong khi anh T trình bày thu nhập thực tế của anh chỉ khoản 5.000.000 đồng /tháng. Hơn nữa pháp luật không bắt buộc phương thức cấp dưỡng một lần mà chỉ khuyến khích thỏa thuận. Tại phiên tòa anh T không đồng ý phương thức cấp dưỡng một lần do có khó khăn về kinh tế phải nuôi mẹ già. Căn cứ vào Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng nuôi con một lần của chị L.

[4] Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[5] Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự ; Điều 51, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116, 117, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Phạm Văn T và chị Bùi Thị Ngọc L.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung Phạm Bùi N T1, sinh ngày 13/8/2019 cho chị Bùi Thị Ngọc L trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Anh Phạm Văn T phải đóng góp nuôi con với chị Bùi Thị Ngọc L số tiền là 745.000 đồng/tháng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng một tháng) cho đến khi cháu N T1 thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Phạm Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Chị Bùi Thị Ngọc L trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Phạm Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

4. Về nợ chung: Hai bên khai không có nên không xét đến.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp 300.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001961 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B. Vậy, án phí anh Phạm Văn T nộp đủ.

Anh Phạm Văn T, chị Bùi Thị Ngọc L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh E (Phòng KTNV&THA);
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã H, huyện B, tỉnh E;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã Ký

Lê Thị Thu Hương